



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TU VẤN SÔNG ĐÀ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SDCC**

Số: 55 /SDCC-TCK

Hà nội, ngày 16 tháng 3 năm 2017

" V/v : Công bố báo cáo tài chính hợp nhất  
năm 2016 đã được kiểm toán "

Kính gửi : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Công ty : Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà.
2. Mã chứng khoán : SDC
3. Trụ sở chính : Nhà G9 - Số 495 - Đường Nguyễn Trãi - Phường Thanh Xuân Nam - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội.
4. Điện thoại : 043.8542209 Fax : 043.8545855
5. Người thực hiện công bố thông tin: Đinh Văn Duẩn .
6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà bao gồm: Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo kiểm toán độc lập, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính.

7. Nội dung giải trình biến động trên 10% lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước :

Lợi nhuận sau thuế năm 2016 tăng 2,388 tỷ đồng tương ứng với 210% so với năm 2015. Nguyên nhân do tháng 7/2015 Đơn vị thoái vốn khỏi Công ty liên kết, đã điều chỉnh bút toán hợp nhất dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất thấp hơn chỉ tiêu này ở Công ty Mẹ. Năm 2016, Công ty không bị ảnh hưởng bởi yếu tố thoái vốn, trong khi lợi nhuận Công ty Mẹ tương đối ổn định do đó Lợi nhuận sau thuế năm 2016 tăng cao hơn so với năm trước.

8. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính : [www.sdcc.com](http://www.sdcc.com).

9. Chúng tôi cam kết các thông tin được công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Nơi nhận :

- Như trên

- Lưu TCK

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Đinh Văn Duẩn*



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2016**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Nhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 32



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Nhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch
Ông Đinh Văn Duẩn	Thành viên
Ông Nguyễn Đại Thụ	Thành viên
Ông Phạm Anh Đức	Thành viên
Ông Cù Văn Vinh	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đinh Văn Duẩn	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thiên Kim	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đại Thụ	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Nhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đình Văn Duẩn**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 06 tháng 3 năm 2017



Số: 504 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2017, từ trang 5 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Đặng Chí Dũng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0030-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 06 tháng 3 năm 2017

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Nguyễn Anh Tuấn**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1472-2013-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>109.980.892.232</b>	<b>104.164.264.386</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>4.245.085.156</b>	<b>8.001.661.015</b>
1. Tiền	111		3.245.085.156	5.001.661.015
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	3.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>69.711.794.294</b>	<b>62.767.447.231</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	70.686.373.802	60.173.765.552
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		443.768.936	106.380.215
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		7.034.044.240	7.034.044.240
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	14.503.667.245	17.757.071.412
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(22.956.059.929)	(22.303.814.188)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>35.411.962.439</b>	<b>32.360.907.053</b>
1. Hàng tồn kho	141		35.411.962.439	32.360.907.053
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>612.050.343</b>	<b>1.034.249.087</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		197.374.643	608.487.069
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		414.675.700	425.762.018
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>25.077.851.431</b>	<b>24.314.580.866</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>16.307.203.638</b>	<b>14.974.165.354</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	15.109.660.864	14.176.624.580
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	1.197.542.774	797.540.774
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.895.479.462</b>	<b>5.799.982.406</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	4.895.479.462	5.799.982.406
- Nguyên giá	222		26.492.581.400	28.169.255.489
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.597.101.938)	(22.369.273.083)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(50.000.000)	(50.000.000)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>13</b>	<b>1.670.403.555</b>	<b>1.305.632.745</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.670.403.555	1.305.632.745
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>1.877.889.647</b>	<b>1.877.889.647</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.374.000.000	4.374.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.496.110.353)	(2.496.110.353)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>326.875.129</b>	<b>356.910.714</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		326.875.129	356.910.714
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>135.058.743.663</b>	<b>128.478.845.252</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>80.885.771.975</b> ✓	<b>74.303.777.864</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>70.293.968.901</b> ✓	<b>64.709.039.132</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	5.937.200.549	5.916.028.392
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		19.675.407.445 ✓	14.160.578.960
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	1.270.273.103 ✓	2.061.263.584
4. Phải trả người lao động	314		23.945.352.762	23.688.363.069
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		854.096.269	289.951.875
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	16.654.409.609	15.039.343.498
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	1.161.579.609	2.653.757.329
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		795.649.555	899.752.425
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.591.803.074</b>	<b>9.594.738.732</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	15	4.757.614.369	4.751.377.293
2. Phải trả dài hạn khác	337	16	4.111.994.643	3.174.132.054
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	421.675.320 ✓	305.700.000
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		630.106.423 ✓	693.117.066
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		670.412.319	670.412.319
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>54.172.971.688</b>	<b>54.175.067.388</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>54.172.971.688</b>	<b>54.175.067.388</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	26.097.100.000	26.097.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		26.097.100.000	26.097.100.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	19	8.502.618.712	8.502.618.712
3. Cổ phiếu quỹ	415	19	(620.000)	(620.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	13.287.458.313	13.148.748.099
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	5.985.763.572	6.128.566.831
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.460.811.487	4.964.366.901
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.524.952.085	1.164.199.930
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		300.651.091	298.653.746
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>135.058.743.663</b>	<b>128.478.845.252</b>

  
 Hoàng Thị Minh Hiền  
 Người lập biểu

  
 Lê Minh Quyết  
 Kế toán trưởng

  
 Đinh Văn Đuẩn  
 Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		✓ <b>73.543.944.618</b>	<b>86.085.327.124</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		✓ 1.950.000	105.377.644
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		✓ <b>73.541.994.618</b>	<b>85.979.949.480</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		56.627.869.878	61.810.751.610
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>16.914.124.740</b>	<b>24.169.197.870</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	971.667.185	681.172.923
7. Chi phí tài chính	22	22	172.682.578	4.927.683.046
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		172.682.578	757.037.316
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	523.051.257
9. Chi phí bán hàng	25		54.607.421	179.060.075
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	12.647.976.625	17.098.062.371
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>5.010.525.301</b>	<b>3.168.616.558</b>
12. Thu nhập khác	31	23	107.855.454	704.325.677
13. Chi phí khác	32	24	735.062.203	889.075.915
<b>14. (Lỗ) khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(627.206.749)</b>	<b>(184.750.238)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>4.383.318.552</b>	<b>2.983.866.320</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	919.379.766	1.152.648.036
17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(63.010.643)	693.117.066
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>3.526.949.429</b>	<b>1.138.101.218</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		3.524.952.085	1.164.199.930
18.2 Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.997.344	(26.098.712)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.351	334

  
 Hoàng Thị Minh Hiền  
 Người lập biểu

  
 Lê Minh Quyết  
 Kế toán trưởng



  
 Đinh Văn Duẩn  
 Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>4.383.318.552</b>	<b>2.983.866.320</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	904.502.944	1.020.874.241
Các khoản dự phòng	03	652.245.741	2.390.684.894
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.034.662.639)	2.492.548.017
Chi phí lãi vay	06	172.682.578	757.037.316
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>5.078.087.176</b>	<b>9.645.010.788</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(9.760.494.770)	(389.713.209)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.051.055.386)	(1.418.863.078)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	8.147.113.561	(19.445.832.851)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	441.148.011	(391.826.937)
Tiền lãi vay đã trả	14	(172.682.578)	(757.037.316)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(941.183.302)	(2.238.708.020)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.023.500.000)	(882.525.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(1.282.567.288)</b>	<b>(15.879.495.623)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(364.770.810)	(1.172.001.085)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	64.945.454	14.030.000
3. Tiền thuần từ thu hồi đầu tư vốn đơn vị khác	26	-	26.093.330.688
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.811.667.185	720.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.511.841.829</b>	<b>25.655.359.603</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.632.245.270	6.253.507.602
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.008.447.670)	(11.938.501.948)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.609.648.000)	(2.609.648.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.985.850.400)</b>	<b>(8.294.642.346)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(3.756.575.859)</b>	<b>1.481.221.634</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>8.001.661.015</b>	<b>6.520.439.381</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>4.245.085.156</b>	<b>8.001.661.015</b>

  
 Hoàng Thị Minh Hiền  
 Người lập biểu

  
 Lê Minh Quyết  
 Kế toán trưởng

  
  
 Đinh Văn Duẩn  
 Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Tư vấn Xây dựng Sông Đà theo Quyết định số 1680/QĐ-BXD ngày 28 tháng 10 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105454 sửa đổi lần thứ 14 ngày 18 tháng 5 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 302 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 323 người).

**Hoạt động kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lắp đặt hệ thống điện
- Kiểm tra, phân tích kỹ thuật
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Xây dựng công trình và kỹ thuật dân dụng khác
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Hoạt động thiết kế dân dụng
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Danh sách các công ty con:

- Công ty con: Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân riêng và hạch toán phụ thuộc:

- Xí nghiệp khảo sát xây dựng.
- Trung tâm thí nghiệm.



**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể xem Thuyết minh số 30.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm trước. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày kết thúc năm tài chính. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.





Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### ***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	<u>Năm nay</u> <u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

#### ***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Tiền mặt	283.766.030	122.572.734
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.961.319.126	4.879.088.281
Các khoản tương đương tiền (i)	1.000.000.000	3.000.000.000
	<b>4.245.085.156</b>	<b>8.001.661.015</b>

(i) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 thể hiện số dư tiền gửi trị giá 1 tỷ VND (31/12/2015: 3 tỷ VND) có kỳ hạn gốc là 1 tháng tại ngân hàng thương mại.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>		<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>	
	Giá trị sổ sách	Dự phòng	Giá trị sổ sách	Dự phòng
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>4.374.000.000</b>	<b>(2.496.110.353)</b>	<b>4.374.000.000</b>	<b>(2.496.110.353)</b>
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng - Kratie	2.400.000.000	(2.400.000.000)	2.400.000.000	(2.400.000.000)
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam-Canada	474.000.000	(96.110.353)	474.000.000	(96.110.353)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do các đơn vị được đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.



Thông tin chi tiết về các công ty nhận đầu tư của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

<b>Tên công ty nhận đầu tư</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu %</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng-Kratie	Thôn Phú Lợi, xã Phú Riềng, huyện Bù Gia Mập, Bình Phước	0,60%	0,60%	Sản xuất sản phẩm từ cao su
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam-Canada	Nhà G10 số 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Hà Nội	10%	10%	Tư vấn kỹ thuật
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà (i)	Phòng 504 Tòa nhà CT2 - Khu đô thị Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội	13,07%	13,07%	Xây dựng và bất động sản

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà ngày 23 tháng 4 năm 2016 phê duyệt chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2015 của công ty này là 10% bằng cổ phiếu. Theo đó, tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 không thay đổi so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 mặc dù số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ tại công ty này tăng lên.

## **7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm (Trình bày lại) VND</b>
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>70.686.373.802</b>	<b>60.173.765.552</b>
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	5.605.812.092	5.605.812.092
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	3.374.960.965	4.332.366.906
Ban điều hành dự án thủy điện Xêkaman 3	5.271.107.133	3.065.979.647
Ban điều hành dự án Thủy điện Đồng Nai 5	5.820.556.757	4.485.993.270
Các khoản phải thu khách hàng khác	50.613.936.855	42.683.613.637
<b>b. Phải thu dài hạn của khách hàng</b>	<b>15.109.660.864</b>	<b>14.176.624.580</b>
Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu	2.816.437.001	3.243.507.861
Công ty Cổ phần Thủy điện Đak đrinh	2.370.646.709	2.336.258.537
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	855.860.755	855.860.755
Các khoản phải thu khách hàng khác	9.066.716.399	7.740.997.427
	<b>85.796.034.666</b>	<b>74.350.390.132</b>
<b>c. Phải thu khách hàng các bên liên quan trọng yếu (Thuyết minh số 29)</b>	<b>27.827.088.017</b>	<b>23.604.729.961</b>



**8. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>(Trình bày lại)</b> <b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>14.503.667.245</b>	<b>17.757.071.412</b>
- Cầm cố, ký cược ngắn hạn (i)	8.289.010.472	10.439.850.917
- Tạm ứng cho các tổ, đội	3.214.324.110	3.586.565.851
- Lãi cho vay phải thu Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	2.034.988.077	2.034.988.077
- Cổ tức phải thu của các đơn vị nhận đầu tư	238.050.000	1.080.000.000
- Phải thu ngắn hạn khác	727.294.586	615.666.567
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.197.542.774</b>	<b>797.540.774</b>
- Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	435.933.180	35.931.180
- Các khoản phải thu khác	761.609.594	761.609.594
	<b><u>15.701.210.019</u></b>	<b><u>18.554.612.186</u></b>
<b>c. Phải thu khác các bên liên quan trọng yếu (Thuyết minh số 29)</b>	<b>2.034.988.077</b>	<b>2.034.988.077</b>

- (i) Khoản cầm cố, ký cược ngắn hạn bao gồm khoản 7.486.402.984 VND giá trị chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn phát hành ngày 29 tháng 7 năm 2015 được cầm cố để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn của Công ty theo các hợp đồng cấp tín dụng ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá ngày 25 tháng 8 năm 2015.





**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**9. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm (trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu</b>				
Ban điều hành thủy điện Xekaman 3	6.031.378.813	2.965.399.166	3.826.251.327	946.180.023
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	2.965.399.166	2.965.399.166	760.271.680	760.271.680
- Quá hạn thanh toán trên 6 tháng	3.065.979.647	-	3.065.979.647	185.908.343
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	6.461.672.847	3.023.443.020	6.461.672.847	2.923.443.020
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	2.923.443.020	2.923.443.020	3.779.303.775	2.923.443.020
- Quá hạn thanh toán trên 6 tháng	3.538.229.827	100.000.000	2.682.369.072	-
Đối tượng khác	89.004.193.025	72.552.342.570	82.617.078.144	66.731.565.087
	<b>101.497.244.685</b>	<b>78.541.184.756</b>	<b>92.905.002.318</b>	<b>70.601.188.130</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.686.363	-	18.238.811	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	35.392.134.076	-	32.339.713.242	-
Thành phẩm	4.142.000	-	2.869.000	-
Hàng hóa	-	-	86.000	-
	<b>35.411.962.439</b>	<b>-</b>	<b>32.360.907.053</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số cuối năm	
	VND		VND		VND		VND	
Thuế giá trị gia tăng	1.200.014.669		2.812.647.155		(3.575.708.973)		436.952.851	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	279.467.609		919.379.766		(941.183.302)		257.664.073	
Thuế thu nhập cá nhân	42.632.219		989.057.923		(1.022.690.202)		8.999.940	
Tiền thuế đất/Thuế đất	534.932.480		152.618.454		(152.618.454)		534.932.480	
Các khoản phải nộp khác	4.216.607		79.311.474		(51.804.322)		31.723.759	
	<b>2.061.263.584</b>		<b>4.953.014.772</b>		<b>(5.744.005.253)</b>		<b>1.270.273.103</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	8.567.444.595	11.925.019.369	7.423.865.725	252.925.800	28.169.255.489
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.244.551.537)	(398.122.552)	(34.000.000)	(1.676.674.089)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.567.444.595</b>	<b>10.680.467.832</b>	<b>7.025.743.173</b>	<b>218.925.800</b>	<b>26.492.581.400</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	6.468.464.672	8.411.103.028	7.352.323.759	137.381.624	22.369.273.083
Khấu hao trong năm	83.959.200	676.026.514	71.541.966	72.975.264	904.502.944
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.244.551.537)	(398.122.552)	(34.000.000)	(1.676.674.089)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.552.423.872</b>	<b>7.842.578.005</b>	<b>7.025.743.173</b>	<b>176.356.888</b>	<b>21.597.101.938</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	<b>2.098.979.923</b>	<b>3.513.916.341</b>	<b>71.541.966</b>	<b>115.544.176</b>	<b>5.799.982.406</b>
Tại ngày cuối năm	<b>2.015.020.723</b>	<b>2.837.889.827</b>	-	<b>42.568.912</b>	<b>4.895.479.462</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 0 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 71.754.966 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 18.502.234.936 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 18.582.750.116 VND).



**13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Căn hộ thuộc dự án City view Sông Đà - Hà Đông	1.074.800.750	1.074.800.750
- Sửa chữa nhà G9	595.602.805	230.831.995
	<b>1.670.403.555</b>	<b>1.305.632.745</b>

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

<b>Tên công ty con</b>	<b>Nơi thành lập</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu %</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	Thôn Lại Xá - Xã Thanh Thủy - Huyện Thanh Hà - Tỉnh Hải Dương	73,48%	73,48%	Xử lý nước, dịch vụ và trang thiết bị

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>Số cuối năm</u> VND		<u>Số đầu năm</u> VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>5.937.200.549</b>	<b>5.937.200.549</b>	<b>5.916.028.392</b>	<b>5.916.028.392</b>
Công ty Tư vấn Xây dựng điện 1	1.051.294.516	1.051.294.516	608.966.885	608.966.885
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	-	-	792.745.389	792.745.389
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	602.821.170	602.821.170	602.821.170	602.821.170
Các đối tượng khác	4.283.084.863	4.283.084.863	3.911.494.948	3.911.494.948
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>4.757.614.369</b>	<b>4.757.614.369</b>	<b>4.751.377.293</b>	<b>4.751.377.293</b>
Viện Thiết kế Thủy công Côn Minh	1.630.440.560	1.630.440.560	1.630.440.560	1.630.440.560
Viện Thiết kế Thủy công TASKENT	810.664.418	810.664.418	810.664.418	810.664.418
Ban điều hành dự án Thủy điện Xêkaman 3	577.654.055	577.654.055	577.654.055	577.654.055
Các đối tượng khác	1.738.855.336	1.738.855.336	1.732.618.260	1.732.618.260
	<b>10.694.814.918</b>	<b>10.694.814.918</b>	<b>10.667.405.685</b>	<b>10.667.405.685</b>



**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>16.654.409.609</b>	<b>15.039.343.498</b>
- Phải trả các tổ, đội thi công	13.990.299.260	12.349.868.618
- Kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm	409.024.926	409.431.516
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.255.085.423	2.280.043.364
<b>b) Dài hạn</b>	<b>4.111.994.643</b>	<b>3.174.132.054</b>
Phần trăm giữ lại chờ hết hạn bảo hành	4.111.994.643	3.174.132.054
	<b>20.766.404.252</b>	<b>18.213.475.552</b>

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>		<u>Trong năm</u> <u>VND</u>		<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	2.653.757.329	2.653.757.329	2.148.869.950	(3.702.747.670)	1.099.879.609	1.099.879.609
Nợ dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh số 18)	-	-	305.700.000	(244.000.000)	61.700.000	61.700.000
	<b>2.653.757.329</b>	<b>2.653.757.329</b>	<b>2.454.569.950</b>	<b>(3.946.747.670)</b>	<b>1.161.579.609</b>	<b>1.161.579.609</b>

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số HĐ.01/2015/HĐTDHM/NHCT127-TVSD ngày 18 tháng 10 năm 2015. Hạn mức tối đa là 20.000.000.0000 VND để bổ sung vốn lưu động với mức lãi suất theo giấy nhận nợ, thời hạn theo từng lần giải ngân nhưng tối đa không quá 8 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất thời hạn 50 năm tại nhà G9, số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội và tài sản cố định là xe ô tô Camry ACV40L theo các hợp đồng thế chấp tài sản cho các hợp đồng tín dụng đã tắt toán nhưng được ngân hàng chấp nhận tiếp tục sử dụng để đảm bảo cho khoản vay hiện tại theo Hợp đồng số HĐ.01/2015/HĐTDHM/NHCT127-TVSD.



**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	VND		VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	305.700.000	305.700.000	483.375.320	(305.700.000)	483.375.320	483.375.320
	<b>305.700.000</b>	<b>305.700.000</b>	<b>483.375.320</b>	<b>(305.700.000)</b>	<b>483.375.320</b>	<b>483.375.320</b>
Trong đó:						
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-	61.700.000	-
- Số phải trả sau 12 tháng	305.700.000	305.700.000	483.375.320	(305.700.000)	421.675.320	483.375.320

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có ba hợp đồng vay trung và dài hạn như sau:

- Tại ngày 13 tháng 3 năm 2015, Công ty ký Hợp đồng số 01/2015-HĐTD/NHCT127-TVSD với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với mục đích dùng tiền vay để mua máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động khoan phun xử lý nền móng. Hạn mức hợp đồng vay tối đa không vượt quá 282.100.000 VND. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ, lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 11,5%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng và sẽ được điều chỉnh 1 tháng 1 lần vào ngày 15 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất. Công ty đã thế chấp tài sản là xe ô tô Camry ACV40L theo các hợp đồng thế chấp tài sản cho các hợp đồng tín dụng đã tất toán nhưng được ngân hàng chấp nhận tiếp tục sử dụng để đảm bảo cho khoản vay hiện tại theo Hợp đồng số 01/2015-HĐTD/NHCT127-TVSD. Tài sản đảm bảo còn bao gồm giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 7.486.402.984 VND tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01/HĐCC-2015/TVSD giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với Công ty.
- Tại ngày 14 tháng 4 năm 2015, Công ty ký Hợp đồng số 02/2015-HĐTD/NHCT127-TVSD với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với mục đích dùng tiền vay để mua máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động khoan phun xử lý nền móng. Hạn mức hợp đồng vay tối đa không vượt quá 205.100.000 VND. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ, lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10,5%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng và sẽ được điều chỉnh 1 tháng 1 lần vào ngày 15 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất. Công ty đã thế chấp xe ô tô Camry ACV40L theo các hợp đồng thế chấp tài sản cho các hợp đồng tín dụng đã tất toán nhưng được ngân hàng chấp nhận tiếp tục sử dụng để đảm bảo cho khoản vay hiện tại theo Hợp đồng số 02/2015-HĐTD/NHCT127-TVSD.
- Tại ngày 07 tháng 12 năm 2016, Công ty ký hợp đồng số 01/2016-HĐTD/NHCT127-HTTD-TVSD với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với mục đích dùng tiền vay thanh toán chi phí sửa chữa nhà làm việc G9 của Công ty. Hạn mức hợp đồng vay tối đa không vượt quá 1.838.595.142 VND. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất được ghi nhận trên từng Giấy nhận nợ, lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/1 năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng và sẽ được điều chỉnh 3 tháng 1 lần vào ngày 15 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất. Tài sản bảo đảm là chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn số VB0067592 trị giá 7.486.402.984 VND theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01/HĐCC-2015/TVSD ngày 25 tháng 8 năm 2015.



Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	61.700.000	-
Trong hai đến năm năm	421.675.320	305.700.000
	<b>483.375.320</b>	<b>305.700.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (Xem Thuyết minh số 17)	61.700.000	-
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>421.675.320</b>	<b>305.700.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b> VND	<b>Vốn khác của chủ sở hữu (i)</b> VND	<b>Cổ phiếu quỹ</b> VND	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b> VND	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b> VND	<b>Tổng cộng</b> VND
Số dư đầu năm trước	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	12.831.772.099	9.012.900.557	56.443.771.368
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.164.199.930	1.164.199.930
Trích lập các quỹ	-	-	-	623.288.997	(1.745.198.653)	(1.121.909.656)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.609.648.000)	(2.609.648.000)
Điều chỉnh giảm khi thoái vốn công ty con	-	-	-	(306.312.997)	306.312.997	-
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>26.097.100.000</b>	<b>8.502.618.712</b>	<b>(620.000)</b>	<b>13.148.748.099</b>	<b>6.128.566.831</b>	<b>53.876.413.642</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	3.524.952.085	3.524.952.085
Trích lập các quỹ (ii)	-	-	-	138.710.214	(1.058.107.344)	(919.397.130)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	(2.609.648.000)	(2.609.648.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>26.097.100.000</b>	<b>8.502.618.712</b>	<b>(620.000)</b>	<b>13.287.458.313</b>	<b>5.985.763.572</b>	<b>53.872.320.597</b>

(i) Vốn khác của chủ sở hữu là phần vốn Công ty sử dụng từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển để mua sắm tài sản cố định phục vụ hoạt động kinh doanh và dùng để góp vốn đầu tư vào các đơn vị nhận đầu tư góp vốn theo Quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 13/NQ/2016/ĐHCD ngày 26 tháng 4 năm 2016, Công ty đã phân bổ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2015 như sau: quỹ đầu tư phát triển là 138.710.214 VND; quỹ khen thưởng, phúc lợi là 719.397.130 VND; quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành là 200.000.000 VND và chia cổ tức năm 2015 là 2.609.648.000 VND. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã thanh toán khoản cổ tức năm 2015 này.



**Cổ phiếu:**

<b>Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.609.710	2.609.710
+ Cổ phiếu phổ thông	2.609.710	2.609.710
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	62	62
+ Cổ phiếu phổ thông	62	62
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.609.648	2.609.648
+ Cổ phiếu phổ thông	2.609.648	2.609.648
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 14, vốn điều lệ của Công ty là 26.097.100.000 VND và đã được các bên góp vốn đủ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, chi tiết như sau:

	<b>Tỷ lệ góp vốn tại ngày cuối năm</b>	<b>Vốn đã góp</b>	
		<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>%</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Sông Đà	51%	13.309.520.000	13.309.520.000
Cổ đông khác	49%	12.787.580.000	12.787.580.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>100%</b>	<b>26.097.100.000</b>	<b>26.097.100.000</b>

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.009.507.718	8.391.500.325
Chi phí nhân công	40.489.314.847	55.168.578.937
Chi phí khấu hao tài sản cố định	904.502.944	1.020.874.241
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.884.594.168	3.274.796.337
Chi phí khác	18.094.955.081	14.527.655.804
	<b>72.382.874.758</b>	<b>82.383.405.644</b>



**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lãi chuyển nhượng cổ phần công ty con	-	518.805.718
Lãi tiền gửi	731.667.185	158.483.194
Cổ tức, lợi nhuận được chia	238.050.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.950.000	3.884.011
	<b><u>971.667.185</u></b>	<b><u>681.172.923</u></b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí lãi vay	172.682.578	757.037.316
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	487.258.643
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	96.110.353
Lỗ thoái vốn khỏi công ty liên kết	-	3.548.368.159
Chi phí tài chính khác	-	38.908.575
	<b><u>172.682.578</u></b>	<b><u>4.927.683.046</u></b>

**23. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	64.945.454	-
Điều chỉnh giảm công nợ không phải trả	-	521.978.460
Tiền phạt thu được	-	84.237.189
Các khoản khác	42.910.000	98.110.028
	<b><u>107.855.454</u></b>	<b><u>704.325.677</u></b>



**24. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản phạt thuế, phạt chậm nộp	77.812.911	365.212.891
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị	656.000.001	439.625.835
Tiền phạt kinh tế phải trả	-	84.237.189
Chi phí khác	1.249.291	-
	<b>735.062.203</b>	<b>889.075.915</b>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.131.988.753	10.685.754.509
Chi phí bằng tiền khác	1.043.342.799	1.512.374.386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	892.655.905	1.010.721.920
Chi phí dự phòng	651.615.982	2.294.574.541
Chi phí vật liệu quản lý	343.522.922	429.870.098
Thuế, phí và lệ phí	294.185.002	688.158.128
Chi phí đồ dùng văn phòng	219.123.296	304.908.061
Chi phí khấu hao TSCĐ	71.541.966	171.700.728
	<b>12.647.976.625</b>	<b>17.098.062.371</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện tại	858.137.874	1.152.648.036
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	61.241.892	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>919.379.766</b>	<b>1.152.648.036</b>



Chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	4.383.318.552	2.983.866.320
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	167.776.359	6.452.387.454
- Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	71.776.359	364.905.872
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia trực tiếp điều hành sản xuất, kinh doanh	96.000.000	54.000.000
- Điều chỉnh lỗ công ty con đã thoái vốn	-	55.762.363
- Hủy hoàn nhập dự phòng đầu tư công ty con đã thoái vốn	-	490.301.060
- Lỗ thoái vốn khỏi công ty liên kết	-	5.487.418.159
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	(260.405.540)	(4.196.944.522)
- Lợi nhuận công ty con	(7.531.463)	(4.622.261)
- Cổ tức được chia trong kỳ	(238.050.000)	-
- Trích lập dự phòng đầu tư vào công ty con	(14.824.077)	-
- Hoàn nhập trích lập dự phòng phải thu khó đòi công ty con	-	(3.150.532.116)
- Lãi từ công ty liên kết trước thoái vốn	-	(523.051.257)
- Lãi thoái vốn khỏi công ty con	-	(518.738.888)
Lợi nhuận tính thuế	4.290.689.371	5.239.309.252
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>858.137.874</b>	<b>1.152.648.036</b>

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u> <u>(Trình bày lại)</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ (VND)	3.524.952.085	1.164.199.930
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (VND)	-	(291.830.281)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>3.524.952.085</b>	<b>872.369.649</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	2.609.648	2.609.648
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.351</b>	<b>334</b>



Đối với năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa có phương án phân chia lợi nhuận cho quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành. Đối với năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty điều chỉnh số trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2015 trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số số 13/NQ/2016/ĐHCD ngày 26 tháng 4 năm 2016, dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm trước, cụ thể như sau:

	<b>Năm trước</b>	
	<b>Số đã báo cáo</b>	<b>Số trình bày lại</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ (VND)	1.164.199.930	1.164.199.930
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (VND)	-	(291.830.281)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>1.164.199.930</b>	<b>872.369.649</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	2.609.648	2.609.648
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>446</b>	<b>334</b>

**28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	493.591.061	508.991.061
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.974.364.245	2.035.964.245
Sau năm năm	16.206.239.843	16.891.689.237
	<b>18.674.195.149</b>	<b>19.436.644.543</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 966,4 m<sup>2</sup> đất Nhà nước cho thuê 50 năm, trả tiền thuê đất hàng năm, là trụ sở chính của Công ty, tại số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội với giá thuê 537.593 VND/m<sup>2</sup>/năm với 869,9 m<sup>2</sup> đất nằm ngoài chỉ giới mở đường và 268.797 VND/m<sup>2</sup>/năm với 96,5 m<sup>2</sup> đất nằm trong chỉ giới mở đường. Thời hạn thuê đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2004.



**29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Công ty con Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Công ty con Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Công ty con Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Công ty con Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Công ty con Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty con Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Công ty con Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Nậm Chiến	Công ty con Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Thủy điện Việt Lào	Công ty con Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	Công ty con Tổng Công ty Sông Đà

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan trọng yếu:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Doanh thu cung ứng dịch vụ</b>	<b>35.335.659.686</b>	<b>24.407.406.594</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	24.479.479.063	5.560.458.646
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	3.847.629.997	4.271.175.793
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	2.608.948.861	1.349.431.579
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.808.411.201	516.227.143
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Nậm Chiến	1.222.860.363	551.106.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	842.045.557	4.482.000.277
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	526.284.644	7.677.007.156
<b>Cổ tức phải trả</b>	<b>1.330.920.480</b>	<b>1.330.920.480</b>
Tổng Công ty Sông Đà	1.330.920.480	1.330.920.480



**Số dư chủ yếu với các bên liên quan trọng yếu tại ngày kết thúc năm tài chính:**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>26.454.876.391</b>	<b>22.299.437.368</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Việt Lào	5.605.812.092	5.605.812.092
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	3.374.960.965	4.332.366.906
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	2.771.285.614	474.320.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	2.409.812.944	1.827.989.440
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	2.134.160.016	1.591.225.984
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Nậm Chiến	2.052.500.604	707.354.204
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.904.360.080	1.504.986.885
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	1.822.822.562	2.122.822.562
Tổng Công ty Sông Đà	1.575.168.609	1.575.168.609
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	1.496.871.892	1.367.313.939
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	1.307.121.013	1.190.076.747
<b>Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>1.372.211.626</b>	<b>1.305.292.593</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Việt Lào	855.860.755	855.860.755
Tổng Công ty Sông Đà	516.350.871	449.431.838
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>2.034.988.077</b>	<b>2.034.988.077</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Việt Lào	2.034.988.077	2.034.988.077

**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị:**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập lương, thưởng	1.538.051.482	1.098.315.260
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.538.051.482</b>	<b>1.098.315.260</b>

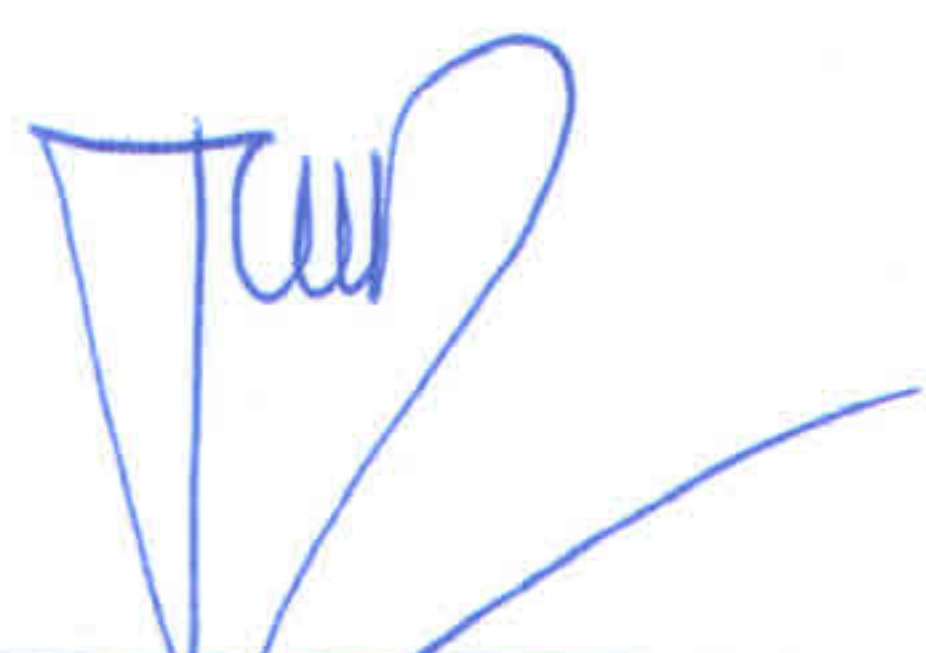


**30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	<u>Số đã báo cáo</u> <b>VND</b>	<u>Phân loại lại</u> <b>VND</b>	<u>Số sau phân loại</u> <b>VND</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	61.501.756.049	(1.327.990.497)	60.173.765.552
2. Phải thu dài hạn của khách hàng	12.848.634.083	1.327.990.497	14.176.624.580



**Hoàng Thị Minh Hiền**  
Người lập biểu



**Lê Minh Quyết**  
Kế toán trưởng



**Đinh Văn Duẩn**  
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2017